

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ YÊN BÁI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/TCDS - ST

Ngày: 24-8-2018.

“V/v: Tranh chấp hợp vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ YÊN BÁI

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Độ.

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Vượng – Ông Vũ Kim Cương

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Giang – Thư ký, Toà án nhân dân thành phố Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Lê Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2018/TLST- TCDS ngày 30-5-2018 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2018/QĐXXST-DS ngày 12-7-2018 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T.

Chị Phạm Thị Mai Q.

Cùng trú tại: Tổ 43, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

Đại diện theo ủy quyền của chị Phạm Thị Mai Q: Anh Nguyễn Minh T. Có mặt tại phiên tòa.

- Đồng bị đơn: Chị Hà Thị Mai T.

Địa chỉ: Tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Có mặt tại phiên tòa.

Anh Trần Ngọc D.

Địa chỉ: Thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt tại phiên tòa không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

Do có quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên vợ chồng anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Mai Q đã cho vợ chồng chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D vay tổng số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), khi vay không tính lãi. Cụ thể những lần vay như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 05 tháng 02 năm 2017 anh D đến nhà anh T, chị Q vay số tiền là 40.000.000 đồng thời hạn vay là 03 tháng, hai bên viết giấy vay nợ hẹn đến 05 tháng 05 năm 2017 thì trả (hai bên thỏa thuận lãi không ghi vào giấy biên nhận là 3%/tháng), anh D đã trả được số tiền lãi là 2.400.000 đồng, nhưng do anh D và chị T gặp khó khăn nên anh T tính vào tiền trả nợ gốc. Nay anh D, chị T phải trả khoản nợ này là: 37.600.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 20 tháng 4 năm 2017 chị T và anh D đến nhà anh T, chị Q vay thêm 20.000.000 đồng, khoản tiền này cả hai anh chị T, D đều cùng nhau ký vào cuối giấy biên nhận ngày 05 tháng 02 năm 2017, số tiền vay thêm này không ghi cụ thể ngày trả nhưng thực tế hai bên thỏa thuận sẽ trả cùng số tiền 40.000.000 vay lần trước vào ngày 05 tháng 02 năm 2017. Hai bên thỏa thuận mức lãi không ghi vào giấy biên nhận là 3%/ tháng. Chị T, anh D đã trả được 600.000 đồng tiền lãi, nhưng anh T tính vào tiền gốc cho chị T và anh D. Yêu cầu trả khoản tiền này là: 19.400.000 đồng.

Lần thứ ba: Ngày 18 tháng 5 năm 2017 chị T một mình đến nhà anh T và chị Q vay số tiền: 20.000.000 đồng thời hạn vay là 03 tháng, hai bên viết giấy biên nhận và hẹn đến ngày 18 tháng 8 năm 2017 thì chị T sẽ trả.

Lần thứ tư: Ngày 19 tháng 6 năm 2017 chị T lại đến nhà anh T, Q một mình vay thêm 10.000.000 đồng, số tiền này chị T có ký nhận nợ vào dưới giấy biên nhận vay nợ ngày 18 tháng 5 năm 2017 (không có thời hạn vay, trả) nhưng hai bên thỏa thuận chị T sẽ trả cùng số tiền 10.000.000 đồng vay vào ngày 18 tháng 5 năm 2017.

Đến hạn trả nợ, anh T đã nhiều lần đến gặp và điện thoại cho chị T, anh D yêu cầu trả khoản nợ trên, nhưng cả hai không trả nợ mà còn có ý lẩn tránh. Nay anh T, chị Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái giải quyết buộc chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho anh T, chị Q tổng số tiền là: 87.000.000 đồng, không tính lãi.

Tại bản tự khai 26 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa bị đơn chị Hà Thị Mai T trình bày:

Ngày 18 tháng 5 năm 2017 chị T một mình đến nhà anh, chị Tuấn, Q vay số tiền 20.000.000 đồng, hai bên viết giấy biên nhận và thỏa thuận thời hạn vay là ba tháng đến ngày 18 tháng 8 năm 2017 thì trả. Hai bên không tính lãi.

Ngày 19 tháng 6 năm 2017 chị T lại một mình đến nhà anh T để vay thêm số tiền là: 10.000.000 đồng có ký nhận. Tổng số tiền chị T vay của anh T là 30.000.000 đồng. (chị T xác nhận đây là khoản nợ riêng của chị T)

Ngoài ra ngày 19 tháng 4 năm 2017 chị T và anh D cùng nhau đến nhà anh T vay số tiền là 20.000.000 đồng có giấy biên nhận, (chị T xác nhận đây là khoản nợ

chung của vợ chồng). Khoản vay riêng của chị T và anh T có thỏa thuận lãi xuất theo ngày, chị T đã trả được tổng số 30.000.000 đồng tiền lãi, nhưng chị không có chứng cứ xuất trình cho Tòa án nên chị không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét khoản tiền lãi này.

Còn với khoản tiền 40.000.000 đồng mà anh D vay của anh T, chị T không biết, nên chị T xác định đây là khoản nợ riêng của anh D chị không có nghĩa vụ phải trả khoản nợ này cho anh T.

Chị T chỉ đồng ý trả cho anh T khoản nợ 30.000.000 đồng của chị T và khoản nợ chung với anh D là: 20.000.000 đồng

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Ngọc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng cố tình, lẩn tránh, vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Yên Bái tham gia phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng theo trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Anh T, chị Q, chị T đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Anh D không thực hiện đầy đủ, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 26; Điều 35; khoản 1 điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37; Điều 45 của luật hôn nhân và gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Thu Q.

Buộc chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Mai Q:

Khoản nợ chung là 57.000.000 đồng.

Khoản nợ riêng: Chị T là 30.000.000 đồng;

Về án phí: Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”. Các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q khởi kiện chị Hà Thị Mai T. Chị T có địa chỉ tại tổ 5, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái, anh Trần Ngọc D có địa chỉ tại thôn V, xã V, thành phố Y, tỉnh Yên Bái nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Yên Bái.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh D, cố tình vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa anh D không có mặt, anh D không có văn bản trình bày ý kiến. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung: Trong năm 2017 chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D, đã bốn lần vay tiền của vợ chồng anh Nguyễn Minh T và chị Phạm Thị Mai Q:

Lần thứ nhất: Ngày 05/02/2017 anh Trần Ngọc D vay 40.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Ngày 20/4/2017 cả hai vợ chồng chị T và anh D vay 20.000.000 đồng;

Lần thứ ba: Ngày 18/5/2017 chị T vay 20.000.000 đồng; Lần thứ tư: Ngày 19/6/2017 chị T vay 10.000.000 đồng. Các lần vay trên đều có giấy biên nhận và thỏa thuận thời hạn trả tiền, không có thời hạn trả tiền và không tính lãi.

Anh D đã trả được cho anh T, chị Q 2.400.000 đồng (khoản tiền 40.000.000 đồng), chị T trả được cho anh T, chị Q 600.000 đồng (khoản tiền nợ chung 20.000.000 đồng)

[4] Từ đó đến nay chị T và anh D không trả nữa, anh T đã gặp trực tiếp và điện thoại yêu cầu chị T, anh D trả số tiền trên nhiều lần, chị T và anh D mới chỉ trả được có 3.000.000 đồng tiền gốc, nhưng sau đó chị T, anh D không trả mà còn lẩn tránh. Vì vậy anh T và chị Q có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền là: 87.000.000 đồng, không tính lãi.

[5] Quá trình giải quyết vụ án chị T chỉ thừa nhận có các khoản vay mà chị T chấp nhận trả nợ đó là khoản vay ngày 18/5/2017 là 20.000.000 đồng; khoản vay 19/6/2017 là 10.000.000 đồng và khoản vay ngày 20/4/2017 là 20.000.000 đồng, còn khoản vay của anh D ngày 05/02/2017 là 40.000.000 đồng chị không chấp nhận vì khoản tiền này anh D vay không bàn bạc với chị T và anh D cũng không sử dụng vào việc chung của gia đình.

[6] Tại phiên tòa anh Nguyễn Minh T cũng thừa nhận ngày 05/02/2017 anh D đi một mình đến nhà anh T vay khoản tiền trên và đề nghị Hội đồng xét xử xác định trách nhiệm trả nợ của chị T và anh D và phải trả các khoản nợ đã vay cho anh T theo quy định của pháp luật.

[7] Hội đồng xét xét thấy: Việc các bên thỏa thuận cho nhau vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, việc vay tiền có lập thành văn bản (giấy vay tiền) là phù hợp với quy định của pháp luật. Anh T, chị Q đã thực hiện theo đúng thỏa thuận giao đủ tiền cho chị T và anh D, nhưng đến thời hạn trả nợ chị T, anh D mới chỉ trả được có 3.000.000 đồng, sau đó không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q là phù hợp, có cơ sở, căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q và xác định nghĩa vụ trả nợ như sau:

Nợ chung: Cần buộc chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q số tiền là 19.400.000 đồng.

Nợ riêng: Cần buộc chị Hà Thị Mai T trả cho anh T, chị Phạm Thị Mai Q tổng số tiền là: 30.000.000 đồng.

Cần buộc anh Trần Ngọc D trả cho anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q số tiền là 37.600.000.000 đồng. Tất cả đều không tính lãi.

[8]. Về án phí: Chị Hà Thị Mai T, anh Trần Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463; Điều 466, Điều 469; Điều 470; Điều 288; Điều 357; Điều 468, của Bộ luật dân sự; Căn cứ vào Điều 27; Điều 37; Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ vào Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về “Án phí lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q.

2. Buộc chị Hà Thị Mai T và anh Trần Ngọc D phải trả cho anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q:

Nợ chung: số tiền 19.400.000 đồng (Mười chín triệu bốn trăm nghìn đồng)

Nợ riêng: Chị Hà Thị Mai T số tiền là: 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng)

Anh Trần Ngọc D số tiền là: 37.600.000 đồng (ba mươi bảy triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày anh T, chị Q có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền trên nếu anh D, chị T không thanh toán đúng thời hạn. Anh D, chị T còn phải chịu lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự.

3. Về án phí: Anh Trần Ngọc D và chị Hà Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 980.000 đồng (chín trăm tám mươi nghìn đồng). Chị Hà Thị Mai T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Anh Trần Ngọc D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.870.000 đồng (một triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

Anh Nguyễn Minh T, chị Phạm Thị Mai Q không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền là: 2.250.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà anh T, chị Q đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Yên Bái theo biên lai thu số: AA/2017/0000537 ngày 30/5/2018.

Án xử sơ thẩm công khai anh T, chị Q, chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Trần Ngọc D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái,
- VKSND T.P Yên Bái.
- Thi hành án dân sự T.P Yên Bái.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.TA

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Độ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Độ